

KẾT QUẢ KHẢO SÁT KHU HỆ CHIM Ở HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒI NÚI THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

LÊ ĐÌNH THỦY, NGÔ XUÂN TƯỜNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Vùng đồi núi thị xã Chí Linh là vùng cuối cùng của dãy núi Yên Tử từ phía Bắc xuống phía Nam, có hệ sinh thái chuyển tiếp giữa hệ sinh thái rừng núi, rừng núi xen lẫn đồi gò và đồng bằng. Vì vậy, các dạng cảnh quan ở hệ sinh thái tự nhiên phong phú và đa dạng, quyết định đến tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của Chí Linh. Theo số liệu đã được điều tra trong những năm gần đây, đất lâm nghiệp đồi rừng ở Chí Linh chiếm khoảng 38,9% diện tích đất tự nhiên toàn thị xã.

Cho đến nay, chỉ mới có một công trình nghiên cứu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật tiến hành năm 1996-1997 khảo sát bước đầu về tài nguyên sinh vật ở Chí Linh. Năm 2008-2009, UBND huyện Chí Linh (nay là thị xã Chí Linh) đã chủ trì thực hiện một đề tài cấp tỉnh về điều tra hệ sinh thái tự nhiên khu vực đầm hồ ở xã An Lạc, xây dựng quy hoạch bảo vệ phát triển hệ sinh thái môi trường và di tích lịch sử phục vụ phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài này mới chỉ được đặt ra ở một xã của thị xã Chí Linh.

Đánh giá hiện trạng sự phân bố, các yếu tố của hệ sinh thái ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến đời sống của các loài sinh vật có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế. Qua đó cung cấp các dẫn liệu khoa học về bảo tồn và phát triển bền vững tính ĐDSH, phục vụ công tác quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Đây là vấn đề thực tiễn được đặt ra mang tính cấp thiết, có giá trị khoa học và kinh tế cao cần tiến hành ở Chí Linh. Vì vậy, trong 2 năm 2011-2012, UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương đã giao cho Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật chủ trì đề tài: “*Khảo sát, đánh giá hiện trạng các loài sinh vật có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương*”. Trong đó, khảo sát khu hệ chim, đặc biệt các loài có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế là một trong các mục tiêu được đặt ra của đề tài.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thời gian và địa điểm

Đề tài tiến hành khảo sát, điều tra ở 8 địa phương có hệ sinh thái tự nhiên của thị xã Chí Linh. Đó là 5 xã (Hoàng Hoa Thám, Bắc An, Hoàng Tiến, Hưng Đạo, An Lạc) và 3 phường (Cộng Hòa, Văn An, Lê Lợi). Năm 2011, đã tiến hành 3 đợt khảo sát, điều tra thực địa với thời gian 66 ngày tại 3 xã Hoàng Hoa Thám, Bắc An, Hoàng Tiến và phường Cộng Hòa. Năm 2012, đã tiến hành 2 đợt khảo sát trong 45 ngày tại 2 xã Hưng Đạo và xã An Lạc, phường Văn An và phường Lê Lợi.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khảo sát thực địa

Khảo sát trên thực địa, quan sát các loài chim bằng mắt thường và ống nhòm. Một số loài chim thường gặp được xác định bằng nghe tiếng hót đặc trưng, kết hợp với những kiến thức về

tập tính hoạt động của chúng khi đi kiếm ăn. Ngoài ra còn dùng 3 loại lưới Mistnet với kích thước: 6m × 2,5m; 9m × 2,5m; 12m × 2,5m để bắt các loài chim có kích thước cơ thể nhỏ, khó quan sát bằng mắt thường, định loại chúng bằng các sách hướng dẫn nhận dạng có hình vẽ màu, sau đó thả lại thiên nhiên.

2.2. Phỏng vấn, thu thập thông tin về sự phân bố của các loài chim từ cộng đồng người dân địa phương

Nhiều loài chim di cư theo mùa hoặc xuất hiện vào các thời gian khác ngoài các đợt khảo sát, phụ thuộc vào thời gian xuất hiện nguồn thức ăn của chúng mà chúng tôi chưa có điều kiện quan sát được. Vì vậy, chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn, thu thập thông tin từ cộng đồng người dân địa phương. Khi thực hiện đã sử dụng sách hướng dẫn nhận dạng loài chim của Ben King và Boonsong Lekagul, với các hình màu có trong sách. Tuy nhiên cũng cần nói rằng đây cũng chỉ là những dẫn liệu tham khảo, cần phải kết hợp với những hiểu biết về đặc điểm phân bố địa lý và sinh cảnh của loài. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã tiến hành trao đổi thu thập thông tin qua các cán bộ kiểm lâm của Hạt Kiểm lâm Chí Linh.

2.3. Phân tích mẫu và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm

Đánh giá các loài có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế theo các tài liệu: Danh lục Đỏ IUCN (2010), SĐVN (2007), Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Tên Việt Nam và La tinh các loài chim theo tài liệu “Danh lục chim Việt Nam” của Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995. Danh sách thành phần loài chim được sắp xếp theo hệ thống học của Sibley-Ahlquyst-Monroe.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài chim

Qua kết quả khảo sát, điều tra trong 2 năm ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi thị xã Chí Linh, chúng tôi đã thống kê được thành phần loài chim ở 8 địa điểm điều tra có 147 loài chim, thuộc 50 họ và 16 bộ, thể hiện ở bảng 1 sau đây.

Bảng 1

Thành phần loài khu hệ chim ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi thị xã Chí Linh-Hải Dương

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	I. BỘ HẠC	CICONIIFORMES				
	1. Họ Diệc	Ardeidae				
1	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i>				5, 8
2	Diệc lửa	<i>Ardea purpurea</i>				1, 2, 3, 5, 8
3	Cò trắng	<i>Egretta garzetta</i>				5, 6, 7, 8
4	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>				5, 8
5	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>				5, 8
6	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i>				5, 8
7	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>				1, 2, 3, 8

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	II. BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES				
	2. Họ Vịt	Anatidae				
8	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i>				5, 8
9	Mòng két mây trắng	<i>Anas querquedula</i>				8
	III. BỘ CẮT	FALCONIFORMES				
	3. Họ Ưng	Accipitridae				
10	Điều hâu	<i>Milvus migrans</i>				5, 6, 7, 8
11	Ưng bụng hung	<i>Accipiter virgatus</i>				5, 6, 7, 8
12	Ưng mây trắng	<i>Accipiter nisus</i>				1, 2
13	Ưng án độ	<i>Accipiter trivigatus</i>				1, 2, 3
14	Điều mào	<i>Aviceda leuphotes</i>				
15	Điều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>	IIB			1, 2
16	Đại bàng đen	<i>Aquila clanga</i>				1
17	Điều núi	<i>Spizaetus nipalensis</i>				1, 2, 3
	4. Họ Cắt	Falconidae				
18	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnunculus</i>				1, 2, 5, 6, 7, 8
19	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i>				1, 2, 5, 8
	IV. BỘ GÀ	GALLIFORMES				
	5. Họ Trĩ	Phasianidae				
20	Đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>				5, 8
21	Cay nhật bản	<i>Coturnix japonica</i>				1, 2
22	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>				1, 2, 3
23	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	LR	LR/Lc	1
	V. BỘ SẾU	GRUIFORMES				
	6. Họ Cùn cút	Turnicidae				
24	Cùn cút lưng nâu	<i>Turnix suscitator</i>				1, 2
	7. Họ Gà nước	Rallidae				
25	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>				1, 2, 5, 8
26	Kịch	<i>Gallinula chloropus</i>				8
27	Gà nước vằn	<i>Rallus striatus</i>				1, 2, 8
	VI. BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES				
	8. Họ Rễ	Scolopacidae				
28	Rễ giun	<i>Gallinago gallinago</i>				1, 2, 3, 5, 7, 8
29	Rễ gà	<i>Scolopax rusticola</i>				1, 2, 5, 8

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	9. Họ Choi choi	Charadriidae				
30	Choi choi nhỏ	<i>Charadrius dubius</i>				1, 2, 3, 4
31	Choi choi lưng đen	<i>Charadrius peronii</i>				1, 2, 3
	VII. BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES				
	10. Họ Bò câu	Columbidae				
32	Cu ngói	<i>Streptopelia tranquebarica</i>				1, 2, 3, 4, 5, 7, 8
33	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
34	Cu luồng	<i>Chalcophaps indica</i>				1, 2, 8
35	Cu xanh bụng trắng	<i>Treron sieboldii</i>				1, 2
36	Cu xanh mỏ quạp	<i>Treron curvirostra</i>				1, 2
	VIII. BỘ VỆT	PSITTACIFORMES				
	11. Họ Vẹt	Psittacidae				
37	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	IIB			1, 2
	IX. BỘ CU CU	CUCULIFORMES				
	12. Họ Cu cu	Cuculidae				
38	Khát nước	<i>Clamator coromandus</i>				1, 2, 7, 8
39	Bắt cô trói cột	<i>Cuculus micropterus</i>				6, 8
40	Tim vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>				1, 2, 8
41	Phướn	<i>Rhopodytes tristis</i>				1, 5, 8
42	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>				1, 2, 5, 8
43	Bìm bịp nhỏ	<i>Centropus bengalensis</i>				1, 2, 3, 5, 7, 8
	X. BỘ CÚ	STRIGIFORMES				
	13. Họ Cú lợn	Tytonidae				
44	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	IIB			8
45	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>	IIB	VU	LR/Lc	1, 2
	14. Họ Cú mèo	Strigidae				
46	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus lempiji</i>				1, 2, 8
47	Dù di phương đông	<i>Bubo zeylonensis</i>	IIB			1, 8
48	Cú mèo nhỏ	<i>Otus sunia</i>				1, 2
	XI. BỘ CÚ MUỠI	CAPRIMULGIFORMES				
	15. Họ Cú muỗi	Caprimulgidae				
49	Cú muỗi ẩn độ	<i>Caprimulgus indicus</i>				1, 2
50	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>				1, 2, 3

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	XII. BỘ YẾN	APODIFORMES				
	16. Họ Yến	Apodidae				
51	Yến cọ	<i>Cypsiurus batasiensis</i>				6, 7, 8
52	Yến núi	<i>Aerodramus brevirostris</i>				1, 2, 5, 6
53	Yến hồng trắng	<i>Apus pacificus</i>				1
	XIII. BỘ NUỐC	TROGONIFORMES				
	17. Họ Nuốc	Trogonidae				
54	Nuốc bụng đỏ	<i>Harpactes erythrocephalus</i>				1
	XIV. BỘ SẢ	CORACIIFORMES				
	18. Họ Bói cá	Alcedinidae				
55	Bói cá nhỏ	<i>Ceryle rudis</i>				5, 8
56	Bồng chanh	<i>Alcedo atthis</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
57	Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>				1, 2
58	Sả đầu nâu	<i>Halcyon smyrnensis</i>				5, 8
	19. Họ Trâu	Meropidae				
59	Trâu họng xanh	<i>Merops viridis</i>				7, 8
60	Trâu lớn	<i>Nyctyornis athertoni</i>				1, 2
	20. Họ Đầu riu	Upupidae				
61	Đầu riu	<i>Upupa epops</i>				1, 2, 5, 8
	21. Họ Sả rừng	Coracidae				
62	Yềng quạ	<i>Eurystomus orientalis</i>				1
	22. Họ Hồng hoàng	Bucerotidae				
63	Cao cát bụng trắng	<i>Anthracoceros malabaricus</i>				1
	XV. BỘ GỖ KIẾN	PICIFORMES				
	23. Họ Cu róc	Capitonidae				
64	Cu róc đầu đỏ	<i>Megalaima asiatica</i>				1, 2
65	Thầy chùa đầu xám	<i>Megalaima faiostriata</i>				1, 2
	24. Họ Gỗ kiến	Picidae				
66	Gỗ kiến nâu	<i>Celeus brachyurus</i>				1, 2
67	Gỗ kiến xanh gáy vàng	<i>Picus flavinucha</i>				1, 2

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	XVI. BỘ SẾ	PASSERIFORMES				
	25. Họ Mỏ rộng	Eurylaimidae				
68	Mỏ rộng xanh	<i>Psarisomus dalhousiae</i>				1
	26. Họ Đuôi cụt	Pittidae				
69	Đuôi cụt bụng vàng	<i>Pitta elliotii</i>				1, 2
	27. Họ Sơn ca	Alaudidae				
70	Sơn ca	<i>Alauda gulgula</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
	28. Họ Nhạn	Hirundinidae				
71	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
	29. Họ Chia vôi	Motacillidae				
72	Chia vôi núi	<i>Motacilla cinerea</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
73	Chia vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
74	Chia vôi vàng	<i>Motacilla flava</i>				1, 2, 5, 8
75	Chim manh lớn	<i>Anthus novaeseelandae</i>				5, 8
	30. Họ Phuong chèo	Campephagidae				
76	Phuong chèo xám	<i>Coracina melaschistos</i>				6, 7, 8
77	Phuong chèo đỏ lớn	<i>Pericrocotus flammeus</i>				1, 2
78	Phuong chèo đen	<i>Hemipus picatus</i>				1, 2
	31. Họ Chào mào	Pycnonotidae				
79	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
80	Cành cạch đen	<i>Hypsipetes madagascariensis</i>				1, 2
81	Chào mào vàng mào đen	<i>Pycnonotus melanicterus</i>				1, 2
82	Bông lau trung quốc	<i>Pycnonotus sinensis</i>				5, 6, 7, 8
83	Bông lau đít đỏ	<i>Pycnonotus aurigaster</i>				5, 6, 7, 8
	32. Họ Chim xanh	Irenidae				
84	Chim nghệ ngực vàng	<i>Aegithina tiphia</i>				1, 2
85	Chim nghệ lớn	<i>Aegithina lafresnayei</i>				1
86	Chim lam	<i>Irena puella</i>				1, 2
	33. Họ Bách thanh	Laniidae				
87	Bách thanh đầu đen	<i>Lanius schach</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
88	Bách thanh nhỏ	<i>Lanius colluriooides</i>				1, 2, 3

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	34. Họ Chích chòe	Turdidae				
89	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
90	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	IIB			1, 2
91	Đuôi đỏ đầu trắng	<i>Phoenicurus leucocephalus</i>				1, 2, 3
92	Sẻ bụi xám	<i>Saxicola ferrea</i>				5, 6, 7, 8
93	Hoét vàng	<i>Zoothera citrina</i>				5, 8
94	Hoét bụng trắng	<i>Turdus cardis</i>				5, 8
	35. Họ Khướu	Timaliidae				
95	Liều điều	<i>Garrulax perspicillatus</i>				5, 7, 8
96	Lách tách vành mắt	<i>Alcippe peracensis</i>				1, 2, 3
97	Lách tách đầu nâu	<i>Alcippe brunnea</i>				1, 2
98	Bò chiêu	<i>Garrulax sannio</i>				1, 2
99	Hoạ mi	<i>Garrulax canorus</i>				1, 2
100	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>				1, 2
101	Khướu khoang cổ	<i>Garrulax monileger</i>				1, 2
102	Khướu mỏ quạp mày trắng	<i>Peteruthius flaviscapis</i>				1
103	Hoạ mi đất má trắng	<i>Pomatorhinus erythrogeus</i>				1, 2
	36. Họ Chim chích	Sylviidae				
104	Chiền chiện đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
105	Chiền chiện bụng hung	<i>Prinia subflava</i>				5, 6, 7, 8
106	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>				5, 6, 7, 8
107	Chim chích nâu	<i>Phylloscopus fuscatus</i>				5, 6, 7, 8
108	Chích bụi rậm	<i>Cittia diphone</i>				1, 2, 3, 4
109	Chích bụng hung	<i>Phylloscopus afiniss</i>				1, 2, 3
110	Chiền chiện lưng xám	<i>Prinia hodgsonii</i>				1, 2
111	Chiền chiện bụng hung	<i>Prinia inornatai</i>				1, 2, 3, 4
	37. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae				
112	Đớp ruồi sibêri	<i>Muscicapa sibirica</i>				1, 2, 5, 7, 8
113	Đớp ruồi xanh xám	<i>Muscicapa thalassina</i>				1, 2, 3
114	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i>				1, 2
115	Oanh đuôi đỏ	<i>Luscinia sibilans</i>				1, 2, 3
116	Oanh đuôi trắng	<i>Myiomela leucura</i>				1, 2, 3
	38. Họ Rẻ quạt	Monarchidae				
117	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>				7, 8
118	Thiên đường đuôi phướn	<i>Terpsiphone paradisi</i>				1, 7, 8
119	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	39. Họ Bạc má	Paridae				
120	Bạc má	<i>Parus major</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
	40. Họ Chim sâu	Dicaeidae				
121	Chim sâu vàng lục	<i>Dicaeum concolor</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
122	Chim sâu bụng vạch	<i>Dicaeum chryorrheum</i>				1, 2, 3, 4
	41. Họ Hút mật	Nectariniidae				
123	Hút mật đỏ	<i>Aethopiga siparaja</i>				5, 6, 7, 8
124	Hút mật bụng hung	<i>Anthreptes singalensis</i>				1, 2, 3, 7, 8
125	Hút mật họng tím	<i>Nectarinia jugularis</i>				1, 2, 3, 4
	42. Họ Vành khuyên	Zosteropidae				
126	Vành khuyên nhật bản	<i>Zosterops japonica</i>				1, 2, 5, 6, 7, 8
127	Vành khuyên họng vàng	<i>Zosterops palpebrosa</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
	43. Họ Sẻ đồng	Emberizidae				
128	Sẻ đồng ngực vàng	<i>Emberiza aureola</i>				1, 2, 3
	44. Họ Chim di	Estrildidae				
129	Di cam	<i>Lonchura striata</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
130	Di đá	<i>Lonchura punctulata</i>				1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
	45. Họ Sẻ	Ploceidae				
131	Sẻ	<i>Passer montanus</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
	46. Họ Sáo	Sturnidae				
132	Sáo đá trung quốc	<i>Sturnus sinensis</i>				5, 8
133	Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cristatellus</i>				1, 2
134	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres grandis</i>				1, 2
135	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>				1, 2
136	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	IIB			1
137	Hoét vàng	<i>Myophonus citrina</i>				1, 2
	47. Họ Vàng anh	Oriolidae				
138	Vàng anh trung quốc	<i>Oriolus chinensis</i>				1, 6, 8
139	Tử anh	<i>Oriolus traillii</i>				1
	48. Họ Chèo bẻo	Dicuridae				
140	Chèo bẻo	<i>Dicurus macrocercus</i>				1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
141	Chèo bẻo bờm	<i>Dicurus hottentottus</i>				1, 2, 5, 7, 8

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế			Địa điểm
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007	
	49. Họ Nhạn rừng	Artamidae				
142	Nhạn rừng	<i>Artamus fuscus</i>				1, 7, 8
	50. Họ Quạ	Corvidae				
143	Giẻ cùi	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>				7, 8
144	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>				7, 8
145	Quạ đen	<i>Corvus macrorhynchos</i>				1, 2, 8
146	Chim khách đuôi cờ	<i>Temnurus temnurus</i>				1, 2
147	Choàng choạc xám	<i>Dendrocitta formosae</i>				1, 2

Ghi chú: - NĐ32/2006: IB-Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB- Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.
 - SĐVN, 2007: EN-Loài nguy cấp. CR-Loài rất nguy cấp.
 - IUCN, 2010: VU-Loài đang bị nguy cấp. CR- Loài đang bị rất nguy cấp; LR-Loài ít bị nguy cấp
 - Địa điểm: 1. Xã Hoàng Hoa Thám; 2. Xã Bắc An; 3. Xã Hoàng Tiên; 4. Phường Cộng Hòa; 5. Xã Hưng Đạo; 6. Phường Văn An; 7. Phường Lê Lợi; 8. Xã An Lạc.

Cấu trúc thành phần các bậc taxa trong khu hệ chim ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi Chí Linh được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2

Cấu trúc các bậc Taxa của khu hệ chim ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi thị xã Chí Linh-Hải Dương

TT	Bộ	Số họ	Số loài
1	Hạc Ciconiiformes	1	7
2	Ngỗng Anseriformes	1	2
3	Cắt Falconiformes	2	10
4	Gà Galliformes	1	4
5	Sếu Gruiformes	2	4
6	Rẽ Charadriiformes	2	4
7	Bồ câu Columbiformes	1	5
8	Vẹt Psittaciformes	1	1
9	Cu cu Cuculiformes	1	6
10	Cú Strigiformes	2	5
11	Cú muỗi Caprimulgiformes	1	2
12	Yến Apodiformes	1	3
13	Nước Trogoniformes	1	1
14	Sả Coraciiformes	5	9
15	Gỗ kiến Piciformes	2	4
16	Sẻ Passeriformes	26	70
Tổng số: 16 bộ		50	147

2. Các loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế

Trong 147 loài chim đã được thống kê, 8 loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen và có giá trị kinh tế, được trình bày trong bảng 3 bao gồm:

2 loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen ở cấp độ quốc gia: Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) (SĐVN, 2007: Bậc LR); Cú lợn lưng nâu (*Tyto capensis*) (SĐVN, 2007: Bậc LR).

2 loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen ở cấp độ quốc tế: Cú lợn lưng nâu (*Tyto capensis*) (Danh lục Đỏ IUCN, 2010: Bậc VU); Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) (Danh lục Đỏ IUCN, 2010: Bậc LR).

8 loài chim có giá trị kinh tế, được ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Thuộc nhóm IIB, có 7 loài: Diều hoa miến điện (*Spilornis cheela*); Vẹt ngực đỏ (*Psittacula alexandri*); Cú lợn lưng xám (*Tyto alba*); Cú lợn lưng nâu (*Tyto capensis*); Dù di phương đông (*Bubo zeylonensis*); Chích chòe lửa (*Copsychus malabaricus*); Yêng (*Gracula religiosa*). Thuộc nhóm IB, có 1 loài: Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*).

Bảng 3

Các loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen và kinh tế

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Giá trị bảo tồn và giá trị kinh tế		
			NĐ32/2006	IUCN 2010	SĐVN 2007
1	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>	IIB		
2	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	LR	LR
3	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	IIB		
4	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	IIB		
5	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>	IIB	VU	LR
6	Dù di phương đông	<i>Bubo zeylonensis</i>	IIB		
7	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	IIB		
8	Yêng	<i>Gracula religiosa</i>	IIB		

III. KẾT LUẬN

Cho đến nay đã ghi nhận được ở hệ sinh thái tự nhiên vùng đồi núi thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương có 147 loài chim, thuộc 50 họ, 16 bộ.

Trong 147 loài chim đã được ghi nhận, 8 loài có giá trị bảo tồn nguồn gen và giá trị kinh tế. Trong đó: 2 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007; 2 loài có trong Danh lục Đỏ IUCN, 2010 và có 8 loài trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Craig Robson**, 2000. A Field guide to the Birds of Thailand and South-East Asia. Asia Books, 504 pp.
2. **IUCN**, 2010. Red list of threatened animals. [Http://www.redlist.org](http://www.redlist.org).
3. **Nguyễn Cử, Lê Trọng Khải, Karen Phillipps**, 2000. Chim Việt Nam, NXB. LĐ-XH. Hà Nội.
4. **Sibley C.G., Monroe B. L.Jr.**, 1991. Distribution and Taxonomy of Birds of the world, first edition, Yale University Press.
5. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995. Danh lục chim Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.

**THE SURVEY RESULT ON THE AVIFAUNA IN THE NATURAL ECOSYSTEM
OF THE HILL AND MOUNTAIN AREA OF CHI LINH, HAI DUONG**

LE DINH THUY, NGO XUAN TUONG

SUMMARY

During two years 2011 and 2012, the surveys on the Avifauna in the natural ecosystem of hill and mountain area of Chi Linh town, Hai Duong province were carried out. A total of 147 bird species belonging to 50 families, 16 orders were recorded in the survey area. Among 147 bird species were recorded, there are two species were listed in the Red Data Book of Viet Nam (2007), two species were listed in the IUCN's Red List (2010) and eight species were listed in the Governmental Decree N^o 32/2006/ND-CP.